

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014**

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 36

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**THÔNG TIN CHUNG**

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam là tiền thân Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam theo Quyết định số 138/2003/QĐ-Ttg ngày 11 tháng 07 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam thành Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản Miền Nam. Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam từ ngày 02/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2014.

Vào ngày 24 tháng 2 năm 2015, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 43/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là CSV.

Trụ sở chính của Công ty tại số 22 Lý Tự Trọng - P Bến Nghé - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm.

<b>Hội đồng quản trị</b>	Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Ủy viên
	Ông Phạm Thanh Tùng	Ủy viên
	Ông Trịnh Tuấn Minh	Ủy viên
	Ông Lê Thanh Bình	Ủy viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng Giám đốc
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Lê Thúy Mai	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
	Ông Lê Tùng Lâm	Thành viên

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Thọ - Tổng Giám đốc Công ty.

**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 36. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

**CỔ PHẦN**  
**HÓA CHẤT CƠ BẢN**  
**MIỀN NAM**

**Nguyễn Hữu Thọ**  
**Tổng Giám đốc**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Số: 27/2015/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:**

**Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Quốc Hùng**  
Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

**Lại Văn Hùng**  
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.  
Số: 0907-2013-146-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	02/01/2014 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>641.040.545.375</b>	-
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>261.018.870.934</b>	-
1. Tiền	111		51.083.605.934	-
2. Các khoản tương đương tiền	112		209.935.265.000	-
<b>II- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>138.575.093.906</b>	-
1. Phải thu khách hàng	131		123.910.067.634	-
2. Trả trước cho người bán	132		3.371.732.152	-
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>4</b>	11.548.244.114	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(254.949.994)	-
<b>III- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>227.001.875.830</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		228.001.639.939	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(999.764.109)	-
<b>IV- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.444.704.705</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		322.592.766	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.845.975.713	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		276.136.226	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>330.346.967.417</b>	-
<b>I- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>276.528.251.607</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	269.384.204.287	-
- Nguyên giá	222		881.024.288.524	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(611.640.084.237)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>7</b>	383.333.333	-
- Nguyên giá	228		1.436.128.875	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.052.795.542)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	6.760.713.987	-
<b>II- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>53.818.715.810</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>9</b>	51.140.676.530	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	<b>10</b>	87.204.201	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.590.835.079	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>971.387.512.792</b>	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	02/01/2014 VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>350.634.725.338</b>	-
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>340.083.300.854</b>	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	163.894.912.087	-
2. Phải trả người bán	312		52.804.239.868	-
3. Người mua trả tiền trước	313		340.292.009	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	37.413.860.890	-
5. Phải trả người lao động	315		64.479.061.699	-
6. Chi phí phải trả	316	13	1.914.664.124	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	1.552.004.677	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		17.684.265.500	-
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.551.424.484</b>	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	10.551.424.484	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>579.713.364.800</b>	-
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>579.713.364.800</b>	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		442.000.000.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.506.484	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		137.703.858.316	-
<b>C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>41.039.422.654</b>	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>971.387.512.792</b>	-

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	02/01/2014
			VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004		1.795.459.401	
2. Ngoại tệ các loại (USD)	005			
<i>Đô la Mỹ</i>			32.781,67	
<i>Euro</i>			23,13	

**Phạm Thị Thu Hằng**

Người lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

**Lê Thị Ngọc Diệp**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Hữu Thọ**

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Mẫu B 02-DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	1.565.829.931.436	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	14.921.382.994	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	1.550.908.548.442	-
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.185.359.800.144	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>365.548.748.298</b>	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6.892.401.256	-
7. Chi phí tài chính	22	22	16.107.911.877	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.279.798.757	-
8. Chi phí bán hàng	24		56.986.560.925	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		93.585.976.338	-
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>205.760.700.414</b>	-
11. Thu nhập khác	31		2.129.154.992	-
12. Chi phí khác	32		86.175.804	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.042.979.188</b>	-
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>207.803.679.602</b>	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	49.616.248.486	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(84.200.523)	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>158.271.631.639</b>	-
<b>18. Lợi ích của Cổ đông thiểu số</b>	<b>70</b>		<b>17.968.476.384</b>	-
<b>19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ</b>	<b>80</b>		<b>140.303.155.255</b>	-
<b>20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>25</b>	<b>2.174</b>	-

*[Signature]*

*[Signature]*



**Phạm Thị Thu Hằng**  
 Người lập biểu  
 Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

**Lê Thị Ngọc Diệp**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Hữu Thọ**  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>207.803.679.602</b>	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	116.605.390.954	
- Các khoản dự phòng	03	559.660.269	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(11.151.388)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.935.605.391)	
- Chi phí lãi vay	06	15.279.798.757	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>334.301.772.803</b>	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.175.356.625	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	73.330.473.152	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11	5.548.016.636	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	9.618.867.734	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(15.032.614.157)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(37.348.913.990)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	162.137.259.069	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(83.333.727.836)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>476.396.490.036</b>	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(39.670.870.446)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài	22	56.363.636	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(131.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24	131.000.000.000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	5.935.605.391	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(33.678.901.419)</b>	-
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	549.972.428.452	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(632.765.500.670)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(98.916.796.853)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(181.709.869.071)</b>	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>261.007.719.546</b>	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	11.151.388	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>261.018.870.934</b>	-

Phạm Thị Thu Hằng  
 Người lập biểu  
 Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Lê Thị Ngọc Diệp  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thọ  
 Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam theo Quyết định số 138/2003/QĐ-Ttg ngày 11 tháng 07 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam thành Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản Miền Nam. Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam từ ngày 02/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2014.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 710 người

Trụ sở chính của Công ty tại số 22 Lý Tự Trọng - P Bến Nghé - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh.

Thông tin Công ty Con và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau.

**Công ty con**

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh phốt pho vàng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	65,05%
Quyền biểu quyết của công ty mẹ	65,05%

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau**

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
Mỏ Bauxit Bảo Lộc	Số 62 Lý Thường Kiệt, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Chi nhánh Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Số 46/6 Phan Huy Ích, Tân Bình, TP.HCM
Nhà máy Hóa chất Tân Bình II	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
Văn phòng Công ty	Số 22 Lý Tự Trọng, Quận 1, TP.HCM

**Vốn điều lệ của Công ty**

Vốn điều lệ của Công ty theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2014 là 442.000.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất máy chuyên dụng khác; Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất; Gia công, chế tạo lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp nước thải công nghiệp (không chịu áp lực- trừ tái chế phế thải kim loại, xỉ mạ điện, luyện kim đúc);

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghiệp và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực- trừ tái chế phế thải kim loại, xỉ mạ điện, luyện kim đúc);
- Khai thác khoáng sản chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không chế biến tại trụ sở);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất; (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2014, không có hoạt động nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

*Công ty có một Công ty con tại thời điểm 31/12/2014 được hợp nhất:*

**Công ty con**

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh phốt pho vàng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	65,05%
Quyền biểu quyết của công ty mẹ	65,05%

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

**Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con được lập đến ngày 31/12/2014.

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (Tiếp theo)**

### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

#### **Bất lợi kinh doanh**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Chế độ kế toán áp dụng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

**2.4 Chính sách kế toán áp dụng**

**2.4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

*Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền.*

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

*Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác*

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**2.4.2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho.

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

*Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ*

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho.*

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**2.4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác.**

*Nguyên tắc ghi nhận:* Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

*Lập dự phòng phải thu khó đòi:* Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

**2.4.4 Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định.**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình.*

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo) Phương pháp**

*khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình.*

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Thời gian sử dụng</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	
Phần mềm máy kế toán và khác	3 - 8 năm
Vô hình	

**2.4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận thuần từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"; Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn; và có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

**2.4.6 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**2.4.7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác.**

*Chi phí trả trước.*

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Riêng lợi thế thương mại được phân bổ 10 năm.

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

*Chi phí khác*

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

*Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.*

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**2.4.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

*Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.*

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

*Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Nguồn vốn kinh doanh do các cổ đông Công ty mẹ góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

*Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác:*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

+ *Thặng dư vốn cổ phần*: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ *Vốn khác*: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

+ *Cổ phiếu quỹ*: Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

+ *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.4.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* : Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

*Doanh thu hoạt động tài chính:* Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.4.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm.

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**2.4.13 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

**2.4.14 Lãi trên cổ phiếu**

*Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**2.4.15 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận được lập theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận.

Các bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của doanh nghiệp dùng để lập báo cáo cho bên ngoài phải là các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp đó. Thông tin bộ phận do các đơn vị này lập để giúp Ban Tổng Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đưa ra quyết định điều hành và quản lý trong tương lai của doanh nghiệp.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc;
- b) Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10 % trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc;
- c) Tài sản của bộ phận chiếm từ 10 % trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

**2.4.16 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.801.977.435	-
Tiền gửi ngân hàng	49.281.628.499	-
Các khoản tương đương tiền	209.935.265.000	-
<b>Cộng</b>	<b>261.018.870.934</b>	<b>-</b>

**4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	92.698.728	-
Phải thu khác	11.455.545.386	-
<i>Thuế TNCN phải thu của CBCNV</i>	<i>2.594.967.166</i>	-
<i>Phải thu về dự lãi tiền gửi</i>	<i>976.581.811</i>	-
<i>BQL Dự án KCN Tăng Lòong tiền cho vay</i> <i>đề GPMB xây dựng khu Tái định cư</i>	<i>2.019.150.000</i>	-
<i>Thuế GTGT đề nghị hoàn</i>	<i>5.363.246.000</i>	-
<i>Thuế xuất khẩu nộp trước</i>	<i>495.244.260</i>	-
<i>Khác</i>	<i>6.356.149</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>11.548.244.114</b>	<b>-</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	130.875.427.162	-
Công cụ, dụng cụ	831.397.106	-
Thành phẩm	96.294.815.671	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>228.001.639.939</b>	<b>-</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	999.764.109	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>227.001.875.830</b>	<b>-</b>

MÀU B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 02/01/2014	197.480.858.132	644.950.892.993	24.388.568.721	14.937.432.945	881.757.752.791
Tăng trong năm	173.065.939.382	645.182.059.365	25.859.163.995	5.923.936.066	850.031.098.808
Chuyển số kế toán	-	1.626.800.246	2.833.770.000	216.857.909	4.677.428.155
Mua trong năm	280.581.798	26.768.644.030	-	-	27.049.225.828
Đầu tư XDCB hoàn thành	24.134.336.952	(28.626.610.648)	(4.304.365.274)	8.796.638.970	-
Tăng khác (Phân loại)	337.407.219	-	396.057.048	-	733.464.267
Giảm trong năm	337.407.219	-	396.057.048	-	733.464.267
Thanh lý, nhượng bán	337.407.219	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	197.143.450.913	644.950.892.993	23.992.511.673	14.937.432.945	881.024.288.524

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư tại 02/01/2014	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	118.523.997.038	470.814.042.532	18.279.411.607	4.756.097.327	612.373.548.504
Chuyển số kế toán	91.509.098.459	387.274.669.372	14.446.334.418	2.760.190.690	495.990.292.939
Khấu hao trong năm	27.014.898.579	83.539.373.160	3.833.077.189	1.995.906.637	116.383.255.565
Giảm trong năm	337.407.219	-	396.057.048	-	733.464.267
Thanh lý, nhượng bán	337.407.219	-	396.057.048	-	733.464.267
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	118.186.589.819	470.814.042.532	17.883.354.559	4.756.097.327	611.640.084.237

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 02/01/2014	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2014	78.956.861.094	174.136.850.461	6.109.157.114	10.181.335.618	269.384.204.287

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

70.089.342.766  
9.479.351.089

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm Quản lý	Giấy phép khai thác	Cộng
	mô		
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Số dư tại 02/01/2014			-
Tăng trong năm	436.128.875	1.000.000.000	1.436.128.875
Chuyển sổ kế toán	436.128.875	1.000.000.000	1.436.128.875
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>436.128.875</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.436.128.875</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 02/01/2014	-	-	-
Tăng trong năm	436.128.875	616.666.667	1.052.795.542
Chuyển sổ kế toán	313.993.486	516.666.667	830.660.153
Khấu hao trong năm	122.135.389	100.000.000	222.135.389
Số dư tại 31/12/2014	<u>436.128.875</u>	<u>616.666.667</u>	<u>1.052.795.542</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 02/01/2014	-	-	-
Tại 31/12/2014	<u>-</u>	<u>383.333.333</u>	<u>383.333.333</u>

**8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

Nội dung	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang các công trình, hạng mục;	6.760.713.987	-
Văn phòng GD tại tp Lào Cai	3.237.934.913	
Chi phí KSTK các HM đầu tư Năm nay	15.946.364	
Chi phí XL TB Nồi hơi đốt từ khí đuôi lò	3.850.000	
Chi phí sửa chữa lớn	3.502.982.710	
<b>Cộng</b>	<u>6.760.713.987</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác		
<i>Chi phí đền bù khai thác mỏ</i>	8.314.628.876	
<i>Xúc tác V2O5 của NMHC Tân Bình II</i>	3.866.196.518	
<i>Chi phí SCL PX Axit NMHC Tân Bình II</i>	254.985.831	
<i>Đánh giá lại CCLĐ, dụng cụ quản lý</i>	215.285.446	
<i>Giá trị lợi thế kinh doanh</i>	37.879.676.673	
<i>Công cụ dụng cụ chờ phân bổ</i>	315.679.051	
<i>Chi phí sửa chữa lớn</i>	175.469.135	
<i>Chi phí vận tải Phốt Pho chưa xuất bán</i>	118.755.000	
<b>Cộng</b>	<b>51.140.676.530</b>	-

**10. TÀI SẢN THUẾ TNDN HOẢN LẠI**

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>87.204.201</b>	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	87.204.201	-

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	151.663.912.087	-
Vay cán bộ công nhân viên tại Cty Mẹ (*)	8.332.520.658	
Vay ngân hàng tại Công ty Mẹ (*)	97.095.269.059	
<i>NH TMCP Công thương - CN Lào Cai (**)</i>	17.306.774.690	
<i>NH TMCP Teckcombank- CN Lào Cai (**)</i>	1.039.193.084	
<i>NH TMCP Quân Đội CN Lào Cai (**)</i>	27.890.154.596	
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.231.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>163.894.912.087</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

(\*) Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2014

Bên cho vay và số hợp đồng	Hạn mức vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức
NH ĐT và PT VN - CN HCM, HĐTD hạn mức số 09/2014/93332 ngày 12/05/2014	250. tỷ đồng VND	Xác định trong từng hợp đồng cụ thể	Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	41.365.562.780	Tài sản
NH TNHH MTV HSBC - CN HCM, Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung VNM 130807	6.000.000 USD	Lãi suất được quy định trong từng thông báo rút vốn cụ thể	4 tháng	29.645.656.726	Tín chấp
NH TNHH MTV HONGLEONG VN - CN TP HCM, HĐTD theo hạn mức số HCM/2012/016/TTTD ngày 25/06/2012	50 tỷ đồng VND	Xác định trong từng hợp đồng cụ thể	Từ 3 - 6 tháng	10.183.563.853	Tín chấp
NH TMCP CÔNG THƯƠNG VN - CN TP. HCM, HĐTD theo hạn mức số 14.1780017/HĐTDHM ngày 08/08/2014		Xác định trong từng hợp đồng cụ thể	Từ 3 - 6 tháng	15.900.485.700	Tín chấp
Cán bộ công nhân viên		Theo thông báo	3 tháng	8.332.520.658	Tín chấp
<b>Cộng</b>				<b>105.427.789.717</b>	

Thông tin về các khoản vay tại Công ty Con

(\*\*) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP trong nước bằng ngoại tệ (USD) thời hạn vay cho các kế ước nhận nợ là từ 4 tháng, lãi suất bình quân năm từ 1,9% đến 3% năm, mục đích bổ sung vốn lưu động. Cho vay có tài sản đảm bảo bằng tín chấp, hợp đồng tiền gửi và thành phẩm phốt pho.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014 VND	02/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.591.155.908	-
Thuế xuất, nhập khẩu	8.505.228.243	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.224.833.777	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.447.552.890	-
Các loại thuế khác	2.645.090.072	-
<b>Cộng</b>	<b>37.413.860.890</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

*Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.*

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	1.914.664.124	-
<i>Trích trước tiền điện hàng tháng</i>	<i>1.501.460.352</i>	
<i>Chi phí lãi vay phải trả</i>	<i>294.031.772</i>	
<i>Khác</i>	<i>119.172.000</i>	
<b>Cộng</b>	<b>1.914.664.124</b>	<b>-</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	462.983.942	-
Bảo hiểm xã hội	165.263.033	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	908.693.720	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.063.982	-
<i>Khác</i>	<i>15.063.982</i>	
<b>Cộng</b>	<b>1.552.004.677</b>	<b>-</b>

**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Vay ngân hàng		
<i>NHĐT &amp; PT Việt Nam CN TP.HCM</i>	<i>10.551.424.484</i>	
<b>Cộng</b>	<b>10.551.424.484</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Bên cho vay Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức
HĐTD trung hạn số 00310/2010/0001436 ngày 24/11/2010	Thả nổi có điều chỉnh	60 tháng	2.577.725.825	1.923.000.000	Tài sản
HĐTD trung hạn số 00310/2011/0000746 ngày 22/07/2011	Thả nổi có điều chỉnh	60 tháng	5.568.671.648	2.784.000.000	Tài sản
HĐTD trung hạn số 07/2013/93332 ngày 29/03/2013	Thả nổi có điều chỉnh	36 tháng	4.176.630.992	3.340.000.000	Tài sản
HĐTD dài hạn số 02/2014/93332/HĐTD ngày 06/05/2014	Thả nổi có điều chỉnh	36 tháng	10.459.396.019	4.184.000.000	
<b>Cộng</b>			<b>22.782.424.484</b>	<b>12.231.000.000</b>	

31 NH TH M V 11/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MẪU B 09-DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư tại 02/01/201	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	442.000.000.000	9.506.484	138.774.753.985	16.190.083.522	35.905.254.799	274.710.909.157	2.758.387.119	910.348.895.066
Chuyển số dư	245.360.686.845	-	138.774.753.985	16.190.083.522	35.905.254.799	127.141.602.103	2.758.387.119	566.130.768.373
Lãi năm nay	193.628.479.425	-	-	-	-	140.303.155.255	-	140.303.155.255
Kết chuyển nguồn sau CPH	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	3.010.833.730	-	-	-	-	4.221.524.731	-	3.010.833.730
Điều chỉnh QT CPH của TD HCVN	-	9.506.484	-	-	-	3.044.627.068	-	4.231.031.215
Tăng do KTTN tại Công ty Con	-	-	138.774.753.985	16.190.083.522	35.905.254.799	137.007.050.841	2.758.387.119	330.635.530.266
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	1.021.781.662	-	1.021.781.662
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	4.622.142.345	-	4.622.142.345
Phân phối LN Công ty Con	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận Năm trước	-	-	-	-	-	98.916.796.853	-	98.916.796.853
Nợ về tập đoàn	-	-	-	-	-	19.619.875.000	-	19.619.875.000
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	9.914.112.977	-	9.914.112.977
Điều chỉnh theo BB KTTN	-	-	138.774.753.985	16.190.083.522	35.905.254.799	2.912.342.004	2.758.387.119	196.540.821.429
Kết chuyển nguồn CPH	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/201</b>	<b>442.000.000.000</b>	<b>9.506.484</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>137.703.858.316</b>	<b>-</b>	<b>579.713.364.800</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Vốn góp của Tập đoàn HC Việt Nam	287.310.000.000	
Vốn góp của đối tượng khác	154.690.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>442.000.000.000</b>	-

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 02 tháng 01	-	
Vốn góp tăng trong năm	442.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	
<b>Vốn góp tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>442.000.000.000</b>	-
Lợi nhuận đã trả cho Tập đoàn HCVN	98.916.796.853	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2014	02/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.200.000	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.200.000	-
Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.200.000	-
Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.565.829.931.436	-
<b>Cộng</b>	<b>1.565.829.931.436</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế xuất khẩu	14.921.382.994	-
<b>Cộng</b>	<b>14.921.382.994</b>	<b>-</b>

**19. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần	1.550.908.548.442	-
<b>Cộng</b>	<b>1.550.908.548.442</b>	<b>-</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.185.359.800.144	-
<b>Cộng</b>	<b>1.185.359.800.144</b>	<b>-</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.935.605.391	-
Lãi bán ngoại tệ	211.628.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	736.547.525	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.620.340	-
<b>Cộng</b>	<b>6.892.401.256</b>	<b>-</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	15.279.798.757	-
Lỗ bán ngoại tệ	36.088.638	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	648.831.834	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	143.192.648	-
<b>Cộng</b>	<b>16.107.911.877</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**23. THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế TNDN tại Công ty Mẹ	34.975.710.204	
Thuế TNDN tại Công ty con	14.640.538.282	
<b>Cộng</b>	<b>49.616.248.486</b>	-

**24. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(84.200.523)	-
<b>Cộng</b>	<b>(84.200.523)</b>	-

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	158.271.631.639	-
Lợi nhuận phân bổ cho số cổ đông sở hữu số cổ phiếu phổ thông tại Công ty Mẹ	140.303.155.255	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.200.000	
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.174</b>	

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	550.281.720.938	
Chi phí nhân công	172.712.589.592	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.605.390.954	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.284.016.598	
Chi phí khác bằng tiền	173.619.895.707	
<b>Cộng</b>	<b>1.350.503.613.789</b>	-

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm nay VND
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Cùng Tập đoàn	Bán muối Natri	3.706.827.000
Công ty Cổ phần bột giặt NET	Cùng Tập đoàn	Bán muối Natri	18.815.460.500
CN Công ty CP Pin Ấc Quy MN	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	16.542.303.200
Công ty TNHH MTV DAP-Vinachem	Cùng Tập đoàn	Bán Axit	9.882.941.900
Công ty CP XNK HC Miền Nam	Cùng Tập đoàn	Mua Lưu huỳnh	
Công ty CP Phân bón Miền Nam	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	18.361.146.335
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	Bán Lưu huỳnh	6.872.628.050
Công ty Cổ phần Sơn Chất Dẻo	Cùng Tập đoàn	Mua Bao Bì	2.372.866.615
Công ty Cổ phần HC CN Vi Sinh	Cùng Tập đoàn	Mua sơn	229.956.400
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cty Mẹ	Phí QLTS	744.733.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cty Mẹ	Chuyển LN	98.916.796.853
Công ty Cổ phần bột giặt NET	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	6.750.000

Số dư cuối năm khoản công nợ phải thu với các bên liên quan như sau

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Cuối năm VND
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	4.077.440.400
Công ty Cổ phần bột giặt NET	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	20.378.900.850
CN Công ty CP Pin Ấc Quy MN	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	17.620.758.440
Công ty TNHH MTV DAP-Vinachem	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	301.070
Công ty CP XNK HC Miền Nam	Cùng Tập đoàn	Mua Lưu huỳnh	
Công ty CP Phân bón Miền Nam	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	4.021.617.600
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	6.446.106.755
Công ty Cổ phần Sơn Chất Dẻo	Cùng Tập đoàn	Mua Bao Bì	(44.913.000)
Công ty Cổ phần HC CN Vi Sinh	Cùng Tập đoàn	Mua sơn	(49.863.000)

Số âm (-) thể hiện giá trị phải trả

**Thu nhập và các khoản cho Công ty vay của Ban Lãnh đạo Công ty**

Thu nhập Ban Lãnh đạo (Chủ tịch HĐQT, TGD, Phó TGD, KTT) được hưởng trong kỳ như sau:

Nội dung	Năm nay	Năm trước
Lương	1.941.502.550	-
Thưởng	946.067.329	
Khác	168.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>3.055.569.879</b>	

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Kỳ trước VND	Kỳ này VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	796.363.636	-

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Hợp đồng thuê nhà số 335/HĐTĐN-QLKDN-KD ngày 31/12/2013 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh Nhà thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam thể hiện nội dung: Tổng số tiền thuê 912,75 m<sup>2</sup> tại số 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 73.000.000 đồng/tháng (gồm cả VAT). Hợp đồng thuê nhà (loại nhà cao ốc) được ký với thời hạn ba năm tính từ năm 2014.

**29. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**30. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý rủi ro nói trên như sau:

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro về thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro về lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Độ nhạy đối với lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay (bao gồm cả vay ngắn hạn, vay dài hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Vay ngắn hạn và dài hạn	Tăng /giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
<b><i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i></b>		
Vay bằng đồng Việt Nam	+ 200	(3.488.926.731)
Vay bằng đồng Việt Nam	- 200	3.488.926.731

Mức tăng/giảm điểm cơ bản được dùng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro về ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu sự rủi ro do thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ là không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại một số ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**Rủi ro thanh khoản**

**31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà ban Tổng Giám đốc cho là đủ đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	163.894.912.087	10.551.424.484		174.446.336.571
Phải trả người bán	52.804.239.868			52.804.239.868
Chi phí phải trả	1.914.664.124			1.914.664.124
Các khoản phải trả khác	1.552.004.677			1.552.004.677
<b>Cộng</b>	<b>220.165.820.756</b>	<b>10.551.424.484</b>	-	<b>230.717.245.240</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng các tài sản đảm bảo như tại thuyết minh để làm thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng như tại thuyết minh về phần vay ngắn hạn, vay dài hạn và Giá trị còn lại của tài sản mang đi thế chấp được trình bày tại thuyết minh về tài sản cố định hữu hình.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các Công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

	Giá trị sổ kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	02/01/2014	31/12/2014	02/01/2014
<b>A Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	261.018.870.934	-	261.018.870.934	-
Phải thu khách hàng	123.910.067.634	-	123.655.117.640	-
Trong đó: Dự phòng	(254.949.994)	-		
Các khoản phải thu khác	11.548.244.114	-	11.548.244.114	-
<b>Cộng</b>	<b>396.222.232.688</b>	<b>-</b>	<b>396.222.232.688</b>	<b>-</b>
	Giá trị sổ kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	02/01/2014	31/12/2014	02/01/2014
<b>B. Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	174.446.336.571	-	174.446.336.571	-
Phải trả người bán	52.804.239.868	-	52.804.239.868	-
Chi phí phải trả	1.914.664.124	-	1.914.664.124	-
Các khoản phải trả, phải nộp	1.552.004.677	-	1.552.004.677	-
<b>Cộng</b>	<b>230.717.245.240</b>	<b>-</b>	<b>230.717.245.240</b>	<b>-</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý

- ✓ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ✓ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ✓ Giá trị hợp lý của các công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng trái phiếu và các nợ phải trả tài chính khác, các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính, cũng như các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác được tạm thời ghi nhận bằng giá gốc..

**33. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Do đặc điểm hoạt động của Công ty chỉ có hoạt động sản xuất các hóa chất cơ bản theo đó không có sự khác biệt đáng kể về lĩnh vực kinh doanh, đồng thời Công ty hoạt động tại một bộ phận địa lý chính tại Việt Nam nên không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận.

**34. SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Do đây là năm tài chính đầu tiên Công ty được chuyển đổi (cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà Nước làm chủ sở hữu) và hoạt động theo mô hình của Công ty cổ phần nên số liệu tương ứng tại ngày đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán và số liệu kỳ trước trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ngoài sự kiện vào ngày 24 tháng 2 năm 2015, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 43/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là CSV thì không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.



**Phạm Thị Thu Hằng**

Người lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2015



**Lê Thị Ngọc Diệp**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Hữu Thọ**

Tổng Giám đốc

